

Số: /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên tại Văn bản số 1908/INTOPS-GPMT ngày 19/8/2025 và Văn bản số 1912/INTOPS-GPMT ngày 19/12/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 775/TTr-SNNMT ngày 23/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên, địa chỉ trụ sở chính: Lô CN9, Khu công nghiệp Điềm Thụy (Khu A) tại xã Điềm Thụy và phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động tại lô CN9, Khu công nghiệp Điềm Thụy (Khu A) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN9, KCN Diêm Thụy (Khu A) tại xã Diêm Thụy và phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 2300323220-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp đăng ký lần đầu ngày 22/9/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/3/ 2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4382111468 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên chứng nhận lần đầu ngày 14/02/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 7 ngày 17/10/2025.

1.4. Mã số thuế: 2300323220-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Sản xuất, gia công, lắp ráp, chế tạo linh kiện cho: điện thoại di động, đồng hồ thông minh, máy tính bảng, laptop, máy ảnh, máy in, máy thanh toán tiền, bảng giá điện tử và các linh kiện điện tử khác; sản xuất vỏ và các linh kiện kỹ thuật cao khác cho: Màn hình máy tính, chuột, loa, tai nghe, máy in, bảng giá điện tử và các linh kiện khác; sản xuất và lắp ráp các linh phụ kiện bộ sấy nóng dùng cho thuốc lá; sản xuất Bộ định tuyến; gia công bo mạch điện tử (Mã ngành theo VSIC là 2610).

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bảng điều khiển (mặt taplo), gương chiếu hậu, gương trang điểm, các loại đèn, tấm chắn nắng, hộp bảo vệ động cơ, hệ thống quản lý nguồn pin (Mã ngành theo VSIC là 2930).

- Sản xuất Đèn led, Mặt nạ led (Mã ngành theo VSIC là 2740).

- Sản xuất loa AI; Sản xuất khóa cửa thông minh Doorlock (Mã ngành theo VSIC là 2640).

- Sản xuất và gia công các sản phẩm và linh phụ kiện bằng nhựa (vỏ, khung bảo vệ, giá đỡ, tấm nhựa bảo vệ) của thiết bị điện tử, thiết bị y tế, thiết bị ngoại vi, điện lạnh, điện gia dụng, các máy móc và ô tô (Mã ngành theo VSIC là 2220).

- Sản xuất, gia công khuôn kim loại dùng cho sản xuất vỏ điện thoại và linh kiện điện tử; sản xuất, gia công sản phẩm bằng kim loại có tính chính xác cao (bản lề, giá đỡ, khung bảo vệ) dùng cho máy tính, laptop, điện thoại và các sản phẩm khác; sản xuất sản phẩm bằng kim loại các sản phẩm là công cụ, dụng cụ, linh kiện máy móc thiết bị, vật phẩm trang trí (có thực hiện công đoạn đúc) (Mã ngành theo VSIC là 2599).

- Sửa chữa các mặt hàng do công ty sản xuất và thiết bị khác (Mã ngành theo VSIC là 3319).

- Sản xuất, gia công các loại máy phục vụ ngành y tế (máy đo đường huyết, máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ) (Mã ngành theo VSIC là 3250).

- Cho thuê nhà xưởng (Mã ngành theo VSIC là 6810).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng: 79.878,6m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất dự án:

- + Sản xuất, gia công, lắp ráp, chế tạo linh kiện cho: Điện thoại di động, đồng hồ thông minh, máy tính bảng, laptop, máy ảnh, máy in, máy thanh toán tiền, bảng giá điện tử và các linh kiện điện tử khác: 25.000.000 sản phẩm/năm

- + Sản xuất vỏ và các linh kiện kỹ thuật cao khác cho: Màn hình máy tính, chuột, loa, tai nghe, máy in, bảng giá điện tử và các linh kiện khác: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất và lắp ráp các linh phụ kiện bộ sấy nóng dùng cho thuốc lá: 100.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất Bộ định tuyến: 100.000 sản phẩm/năm.

- + Gia công bo mạch điện tử: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bảng điều khiển (mặt taplo), gương chiếu hậu, gương trang điểm, các loại đèn, tấm chắn nắng, hộp bảo vệ động cơ, hệ thống quản lý nguồn pin: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất Đèn led, Mặt nạ led: 50.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất loa AI: 50.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất khóa cửa thông minh Doorlock: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất và gia công các sản phẩm và linh phụ kiện bằng nhựa (vỏ, khung bảo vệ, giá đỡ, tấm nhựa bảo vệ...) của thiết bị điện tử, thiết bị y tế, thiết bị ngoại vi, điện lạnh, điện gia dụng, các máy móc và ô tô: 5.000.000 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất, gia công khuôn kim loại dùng cho sản xuất vỏ điện thoại và linh kiện điện tử: 150 sản phẩm/năm.

- + Sản xuất gia công sản phẩm bằng kim loại có tính chính xác cao (bản lề, giá đỡ, khung bảo vệ) dùng cho máy tính, laptop, điện thoại và các sản phẩm khác: 3.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất sản phẩm bằng kim loại các sản phẩm là công cụ, dụng cụ, linh kiện máy móc thiết bị, vật phẩm trang trí (có thực hiện công đoạn đúc): 30.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sửa chữa các mặt hàng do công ty sản xuất và thiết bị khác: 10.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công các loại máy phục vụ ngành y tế (máy đo đường huyết, máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ): 2.000.000 sản phẩm/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng: Diện tích cho thuê nhà xưởng khoảng 1.800m². Đơn vị thuê nhà xưởng có ngành nghề sản xuất là những loại hình ngành nghề phù hợp với nhóm ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Diêm Thụy và phải thực hiện các thủ tục môi trường riêng theo quy định.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất vỏ, linh kiện bằng nhựa cho: Điện thoại di động, đồng hồ thông minh, máy tính bảng, laptop, máy ảnh, máy in, máy thanh toán tiền, bảng giá điện tử và linh kiện điện tử khác; Màn hình máy tính, chuột, loa, tai nghe, máy in, bảng giá điện tử và các linh kiện khác; bộ định tuyến; bảng điều khiển (mặt taplo), gương chiếu hậu, gương trang điểm, các loại đèn, tấm chắn nắng, hộp bảo vệ động cơ, hệ thống quản lý nguồn pin); đèn led, mặt nạ led; loa AI; vỏ, khung bảo vệ, giá đỡ, tấm nhựa bảo vệ của thiết bị điện tử, thiết bị y tế, thiết bị ngoại vi, điện lạnh, điện gia dụng, các máy móc và ô tô; máy phục vụ ngành y tế (máy đo đường huyết, máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ).

Nguyên liệu đầu vào (hạt nhựa nguyên sinh) → Kiểm tra → Sấy → Ép nhựa → Kiểm tra → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(2) Quy trình sản xuất và lắp ráp các linh phụ kiện bộ sấy nóng dùng cho thuốc lá:

Nguyên liệu đầu vào (Linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm) → Kiểm tra → Khắc laser → Lắp ráp → Mài → Kiểm tra → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(3) Quy trình gia công bo mạch điện tử:

Nguyên liệu đầu vào (Bảng mạch PCBA) → Dán tem, quét mã vạch → Kiểm tra ngoại quan → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(4) Quy trình sản xuất khóa cửa thông minh Doorlock:

Nguyên liệu đầu vào (Thép tấm) → Kiểm tra → Gia công CNC → Lắp ráp → Kiểm tra → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(5) Quy trình sản xuất, gia công khuôn kim loại dùng cho sản xuất vỏ điện thoại và linh kiện điện tử:

Nguyên liệu đầu vào (Thép tấm) → Kiểm tra → Gia công CNC → Kiểm tra → Mài bavia → Kiểm tra → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(6) Quy trình sản xuất gia công sản phẩm bằng kim loại có tính chính xác cao (bản lề, giá đỡ, khung bảo vệ) dùng cho máy tính, laptop, điện thoại và sản phẩm khác; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại các sản phẩm là công cụ, dụng cụ, linh kiện máy móc thiết bị, vật phẩm trang trí (có thực hiện công đoạn đúc).

Nguyên liệu đầu vào (Bột hợp kim) → Đùn ép → Kiểm tra → Tách nhựa → Thiêu kết → Kiểm tra → Lắp ráp → Kiểm tra → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

(7) Quy trình sửa chữa các mặt hàng do công ty sản xuất và thiết bị khác:

Nguyên liệu đầu vào (Sản phẩm lỗi từ trong hoạt động sản xuất của dự án hoặc các sản phẩm của dự án đã chuyển cho các khách hàng bị phát hiện lỗi) → Kiểm tra nhận diện lỗi và sửa chữa → Đóng gói, lưu kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/01/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động tại Lô CN09, Khu công nghiệp (KCN) Diêm Thụy (khu A) của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải (XLNT) tập trung của KCN Diêm Thụy (Khu A), không xả ra môi trường, cụ thể là:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại (gồm 03 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ) và nước thải từ hệ thống lọc RO được xử lý tại trạm XLNT công suất 140m³/ngày. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại hố ga G36 thuộc hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN Diêm Thụy (Khu A).

- Nước làm mát gián tiếp thiết bị của 09 dây chuyền đùn ép nhựa và 05 máy thiêu kết được thu gom bằng đường ống về 01 tháp giải nhiệt lưu lượng 39m³/giờ (công suất 15kW), nước sau làm mát được chứa vào 01 bể chứa 4m³ được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường.

- Toàn bộ nước thải sản xuất (bao gồm: Nước thải từ vệ sinh, thải bỏ dầu thải của các máy CNC, nước thải định kỳ từ hệ thống xử lý khí thải) được Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại, không thải ra môi trường.

Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên đã ký hợp đồng dịch vụ thoát nước và XLNT với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên tại Hợp đồng số 03/HĐ-TTĐV ngày 30/3/2024 và phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại mục B Phụ lục này.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải từ hệ thống lọc nước RO

- Nguồn phát sinh: Gồm 02 nguồn nước thải phát sinh, trong đó gồm:

TT	Nguồn phát sinh	Công đoạn phát sinh	Thành phần, tính chất
1	Nguồn số 01	Từ 04 bể tự hoại	Chất hữu cơ (BOD, COD), chất rắn lơ lửng (TSS), chất dinh dưỡng (N, P), Coliform.
2	Nguồn số 02	Từ hệ thống lọc nước RO	Chất rắn lơ lửng (TSS),

- Mạng lưới đường ống thu gom nước thải về trạm XLNT gồm:

+ Tuyến đường ống uPVC D110 và D140 với tổng chiều dài 110m thu nước thải đen từ các nhà vệ sinh về 04 bể tự hoại. Nước thải sau 04 bể tự hoại được dẫn về trạm XLNT bằng đường ống uPVC D110, D200 với tổng chiều dài khoảng 155m để tiếp tục xử lý.

+ Tuyến đường ống uPVC D90 và D110 với tổng chiều dài khoảng 100m thu gom nước thải xám từ các nhà vệ sinh đầu nối vào tuyến đường ống uPVC D110, D200 dẫn nước thải sau các bể tự hoại dẫn nước thải về trạm XLNT.

+ Tuyến đường ống HDPE D90, dài khoảng 150m dẫn nước thải từ hệ thống lọc RO về trạm XLNT.

+ Tuyến đường ống SUS D65, dài khoảng 60m dẫn nước thải sau xử lý tại trạm XLNT đầu nối vào hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN tại hồ ga G36 thuộc hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN Diêm Thụy (Khu A). Tọa độ vị trí đầu nối (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0) là $X = 2374127$; $Y = 437092$.

1.1.2. Đối với nước thải sản xuất

- Nguồn phát sinh: gồm 03 nguồn, cụ thể như sau

Nguồn phát sinh	Công đoạn phát sinh	Lưu lượng	Thành phần, tính chất
Nguồn số 01	Nước làm mát gián tiếp cho 09 dây chuyền ép nhựa và 05 máy thiêu kết	Khoảng $625\text{m}^3/\text{ngày}$	Nhiệt độ
Nguồn số 02	Nước thải, dầu thải định kỳ từ quá trình thải bỏ, vệ sinh các máy CNC	$15\text{m}^3/6$ tháng	TSS, dầu mỡ
Nguồn số 03	Nước thải định kỳ phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải	$1,65\text{m}^3/3$ ngày	Axit Oxalic, NaOH, TSS.

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

+ Tuyến đường ống PVC D100, dài 75m thu gom nước làm mát gián tiếp từ 09 dây chuyền ép nhựa và 05 máy thiêu kết về 01 tháp giải nhiệt lưu lượng $39\text{m}^3/\text{giờ}$ (công suất 15kW), nước sau làm mát được chứa vào 01 bể chứa 4m^3 được sử dụng tuần hoàn (02 bơm lưu lượng $39\text{m}^3/\text{giờ}$, công suất 11kW) → Màng lọc, kích thước $D \times H = (500 \times 1.650)\text{mm}$ → Đường PVC D100, dài 75m cấp đến 09 dây chuyền ép nhựa và 05 máy thiêu kết, không thải ra môi trường.

+ Nước thải từ vệ sinh, thải bỏ dầu thải của các máy CNC được thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa, tập kết về kho chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để xử lý CTNH theo quy định, không thải ra môi trường.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực, chức năng để hút trực tiếp bồn chứa $2,83\text{m}^3$ trong đáy tháp hấp thụ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị XLNT sinh hoạt và nước thải từ hệ thống lọc nước RO

- Công trình xử lý sơ bộ: Gồm 04 bể tự hoại, trong đó: 03 bể tự hoại khu vực nhà xưởng, dung tích 20m³/bể và 01 bể tự hoại khu vực nhà bảo vệ dung tích 3m³.

- Trạm XLNT công suất 140m³/ngày với quy trình công nghệ như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại và nước thải từ hệ thống lọc RO → Bể thu gom → Ngăn tách rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể SBR → Bể khử trùng (02 ngăn) → Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN Diêm Thụy (Khu A). Bố trí 01 bể chứa bùn có dung tích 65m³. Bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Máy móc, thiết bị và hoá chất gồm:

TT	Công đoạn xử lý	Máy móc, thiết bị	Hóa chất sử dụng
1	- Bể gom, thể tích 7,56m ³ ; - Kích thước (1,4x2x2,5)m	01 song chắn rác; 02 bơm nước thải, lưu lượng 14m ³ /giờ, công suất 2,2kW	
2	Ngăn tách rác, thể tích 5,4m ³ ; kích thước (0,8x2,5x2,5)m	01 song chắn rác	
3	Bể điều hòa, thể tích 175,5m ³ ; kích thước (5,4x13x2,5)m	02 bơm nước thải, lưu lượng 14m ³ /giờ, công suất 2,2kW; 01 hệ thống phân phối khí thô	
4	Bể thiếu khí, thể tích 15m ³ ; kích thước (1,2x5x2,5)m	01 máy khuấy chìm, công suất 2,2kW	Ri mật: 3,8 kg/ngày; Vi sinh: 0,6kg/ngày
5	Bể SBR, thể tích 127,5m ³ ; kích thước (5x10,2x2,5)m	02 bơm nước thải, lưu lượng 95m ³ /giờ, công suất 7,5kW; 01 bơm bùn, lưu lượng 10m ³ /giờ, công suất 2,2kW	
6	Bể khử trùng, 2 ngăn: + Ngăn 1: Thể tích 12,5m ³ ; kích thước (1x5x2,5)m + Ngăn 2: Thể tích 127,5m ³ ; kích thước (5x10,2x2,5)m	02 bơm nước thải, lưu lượng 10m ³ /giờ, công suất 2,2kW	Javen (NaOCl 10%): 42 lít/ngày
7	Bể chứa bùn, thể tích 65m ³ ; kích thước (2x13x2,5)m	02 bơm bùn, lưu lượng 7m ³ /giờ, công suất 0,25kW	
8	Nhà điều hành, diện tích 10m ²	02 máy thổi khí, lưu lượng 4,5m ³ /phút, công suất 4,5kW; 02 bồn hóa chất 500 lít; 02 bơm định lượng, lưu lượng 0,1m ³ /giờ, công suất 0,25kW.	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động tại Lô CN09, KCN Điềm Thụy (khu A) của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố: Chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phát hiện sớm các sự cố hỏng hóc thiết bị trong trạm XLNT.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị: Chuẩn bị sẵn các thiết bị dự phòng, kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng kịp thời thay thế, đảm bảo trạm XLNT hoạt động ổn định.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc, thay thế các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về trạm XLNT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm XLNT công suất 140m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga G36 thuộc hệ thống thu gom, XLNT tập trung của KCN Điềm Thụy (Khu A).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm XLNT công suất 140m³/ngày theo giá trị giới hạn cho phép đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đầu nổi nước thải vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Điềm Thụy (Khu A) theo quy định tại Hợp đồng số 03/HĐ-TTĐV ngày 30/3/2024 với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm XLNT công suất 140m³/ngày theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường, đảm bảo phải thực hiện quan trắc nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định trạm XLNT (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của nhà máy đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Diêm Thụy (Khu A). Tuyệt đối không được lấp đặt, đầu nối các đường ống xả nước thải chưa được xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Diêm Thụy (Khu A).

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm trạm XLNT hoạt động ổn định.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định gồm: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Giám sát thường xuyên hiệu quả xử lý trạm XLNT công suất 140m³/ngày đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Diêm Thụy (Khu A). Kịp thời báo cáo với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên khi trạm XLNT gặp sự cố để phối hợp xử lý.

3.6. Yêu cầu, giám sát đơn vị thuê nhà xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, XLNT sản xuất theo quy định. Nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê nhà xưởng được đầu nối về trạm XLNT công suất 140m³/ngày của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm vận hành trạm XLNT đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn đầu vào hệ thống XLNT tập trung theo quy định của KCN Diêm Thụy (Khu A).

3.7. Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung về thoát nước và XLNT với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước và XLNT số 03/HĐ-TTĐV ngày 30/3/2024.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Hoạt động sản xuất của dự án phát sinh 02 nguồn khí thải, cụ thể như sau:

STT	Tên nguồn	Công đoạn phát sinh	Thành phần, tính chất
1	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ 09 dây chuyền ép nhựa và từ 04 máy tách nhựa	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat); Acrylonitril.
2	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ 05 lò thiêu kết	Bụi

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106°30, múi chiều 3°)

- Vị trí: 01 dòng thải là dòng khí thải sau xử lý tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải. Toạ độ vị trí xả thải: X= 2374049; Y = 437027.

- Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên tại lô CN09, KCN Diềm Thụt (Khu A), tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng lớn nhất 12.000m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Xả liên tục trong thời gian hoạt động của hệ thống (khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải); xả tối đa 16 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột A), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN19: 2024 /BTNMT (Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 50	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Acrylonitril	mg/Nm ³	≤ 6		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 và nguồn số 02 được thu gom bằng chụp hút và ống hút đưa về 01 hệ thống xử lý trước khi xả thải ra môi trường. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ 09 máy đùn ép nhựa được thu gom bằng 09 ống hút D100, dài 2,3m/ống → 09 đoạn ống D100, dài 2,4m/ống → Ống inox D300, dài khoảng 38,9m → Ống inox D400, dài 4,9m → Ống inox D600, dài 15m → Hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Khí thải phát sinh từ 04 máy tách nhựa được thu gom bằng 04 chụp hút, kích thước mỗi chụp hút (1x1)m → 04 ống inox D200, dài 1,7m/ống → Ống inox D400 dài 4,9m → Ống inox D600, dài 15m → Hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Khí thải phát sinh từ 05 máy thiêu kết được thu gom bằng 05 chụp hút D500 → Ống inox D110, tổng chiều dài 26,5m → Ống inox D400 dài 4,9m → Ống inox D600, dài 15m → Hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

Trong đó, đoạn ống inox D400, dài 4,9m và D600, dài 15m thu gom chung khí thải từ 09 dây chuyền đùn ép nhựa, 04 máy tách nhựa, 05 máy thiêu kết.

1.2. Hệ thống xử lý khí thải để xử lý

Hệ thống xử lý khí thải: Thu gom xử lý, khí thải từ 09 dây chuyền đùn ép nhựa, 04 máy tách nhựa và 05 máy thiêu kết.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 02) → Ống hút/chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ [kích thước D_xH = (1,45x5,15)m hoạt động theo nguyên lý tạo dòng xoáy bằng dung dịch hấp thụ; sử dụng dung dịch NaOH 5%; bố trí 02 máy bơm tuần hoàn, công suất mỗi bơm 16,8m³/giờ (2,2kW), bố trí 01 thiết bị đo pH tại bồn chứa dung dịch hấp thụ sử dụng tuần hoàn 2,83m³ trong đáy tháp hấp thụ] → Thiết bị tách ẩm [kích thước (1,35x0,8x1,35)m; sử dụng vật liệu bông tách ẩm gồm 4 tấm tách ẩm loại G4 kích thước (0,8x0,5)m, dày 60mm] → Tháp hấp phụ [kích thước thân L_xW_xH = (2,3x1,1x1,35)m, sử dụng 08 khay than hoạt tính, kích thước mỗi khay (1,1x0,76x0,15)m, đảm bảo toàn bộ dòng khí thải đi qua các khay than hoạt tính; tổng khối lượng than trong thiết bị khoảng 465kg → Quạt hút (lưu lượng 12.000m³/giờ, công suất 15kW) → Ống thải (D600, cao 12m tính từ mặt đất).

- Công suất thiết kế: 12.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Khoảng 1.395kg than hoạt tính/năm; khoảng 10,66 tấn NaOH/năm.

- Hệ thống máy móc, thiết bị pha hoá chất: 01 quạt hút (lưu lượng 12.000m³/giờ, công suất 15kW); 01 bồn hóa chất dung tích 500 lít và 01 máy khuấy công suất 0,2kW; 01 bơm hóa chất NaOH công suất 50 lít/giờ (20W); 01 thiết bị đo pH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động tại Lô CN09, KCN Diêm Thụy (Khu A) của Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố

Sự cố hệ thống xử lý khí thải chủ yếu là sự cố quạt hút, đường ống bị rò rỉ, dung dịch hấp thụ và than hoạt tính bị bão hòa không đảm bảo hiệu quả xử lý...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Tuân thủ quy trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải, tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó với sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải; bố trí máy móc thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ bổ sung dung dịch hấp thụ (NaOH) vào tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo hiệu quả xử lý; định kỳ đo chỉ số iod của than hoạt tính trong tháp hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải, khi chỉ số iod của than hoạt tính < 400mg/g thay thế than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả xử lý.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải, đường ống rò rỉ sẽ tạm dừng hoạt động các máy móc, thiết bị sản xuất tương ứng; thay thế, sửa chữa thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải trước khi vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải, công suất 12.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại ống thải của các hệ thống xử lý khí, công suất 12.000m³/giờ, tọa độ X= 2374049; Y = 437027 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°30, múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các hệ thống xử lý bụi, khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư sản xuất vỏ điện thoại di động tại lô CN9, KCN Điềm Thụy (Khu A) bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành các công trình xử lý khí thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản thao tác bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, liên tục hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định. Định kỳ bổ sung dung dịch hấp thụ (NaOH) vào tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo hiệu quả xử lý; định kỳ đo chỉ số iod của than hoạt tính trong tháp hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải, khi chỉ số iod của than hoạt tính < 400mg/g phải thay thế than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả xử lý.

3.5. Yêu cầu, giám sát đơn vị thuê nhà xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động thuê nhà xưởng, đảm bảo bụi, khí thải được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn môi trường trước khi xả ra môi trường.

3.6. Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Gồm 05 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể:

STT	Tên nguồn	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 01	Từ quạt hút khí thải và tháp giải nhiệt Cooling Tower
2	Nguồn số 02	Từ máy phát điện dự phòng
3	Nguồn số 03	Từ máy nén khí nhà xưởng
4	Nguồn số 04	Từ máy nén khí của trạm XLNT
5	Nguồn số 05	Từ máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực E	70	65	60

- Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00~ trước 06:00)
Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 514.250kg/năm, cụ thể gồm:

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
2	Găng tay, giẻ lau, màng lọc nhiễm dầu chứa thành phần nguy hại	Rắn	40.000	18 02 01
3	Mực in thải có thành phần nguy hại.	Rắn	10	08 02 01
4	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	10	08 02 04
5	Bao bì kim loại cứng thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2.000	18 01 02
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	2.000	18 01 04
7	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài lẫn dầu	Rắn	258.780	07 03 11
8	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình, dầu thải từ máy CNC	Lỏng	30.000	07 03 05
9	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	8.100	16 01 08
10	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	1.730	12 01 04
11	Vật liệu cách nhiệt thải khác có thành phần nguy hại, sợi thủy tinh	Rắn	15	11 06 02
12	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải	Lỏng	171.600	12 01 02
	Tổng		514.250	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng: 317,34 tấn/năm, chủ yếu gồm giấy, bìa carton, phế liệu nhựa, bavia kim loại không lẫn thành phần nguy hại, bao bì đóng gói thải, nilon thải không lẫn thành phần nguy hại, sản phẩm lỗi cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy, bìa carton	Rắn	16
2	Phế liệu nhựa	Rắn	221,15
3	Pallet	Rắn	0,5
4	Bavia kim loại không dính thành phần nguy hại	Rắn	5
5	Bao bì đóng gói, nilon thải không lẫn thành phần nguy hại	Rắn	0,26
6	Sản phẩm lỗi hỏng	Rắn	74,43
	Tổng		317,34

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Phát sinh khoảng 180kg/ngày, thành phần chủ yếu là các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon, giấy vụn...; khoảng 6m³ bùn từ bể tự hoại mỗi năm; khoảng 15,5m³ bùn từ Trạm XLNT mỗi năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Trang bị các thùng chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại...).

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa các chất thải nguy hại diện tích 20m². Kho được thiết kế, cấu tạo đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định...).

- Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng để bơm hút, vận chuyển dung dịch hấp thụ trong tháp hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải (tần suất theo thực tế); chịu trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng, bao chứa chất thải thông thường.

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 40m², chia làm 2 khu vực để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt theo quy định. Kho được thiết kế, cấu tạo có tường bao quanh, nền bê tông chống thấm theo quy định, mái che, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào kho chứa.

- Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định với tần suất theo thực tế phát sinh.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị các thùng chứa loại 20 lít, 120 lít có nắp đậy.
- Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 40m², được chia làm 2 khu vực để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt theo quy định. Kho được thiết kế, cấu tạo có tường bao quanh, nền bê tông, mái che, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào kho chứa.

- Chi nhánh Công ty TNHH Intops Việt Nam tại Thái Nguyên có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định với tần suất thu gom hằng ngày; định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn từ bể tự hoại và bùn từ trạm XLNT để xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Yêu cầu, giám sát đơn vị thuê nhà xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt từ hoạt động thuê nhà xưởng theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm xử lý triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố chất thải và các sự cố khác (nếu có).

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai giấy phép môi trường quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại mục 7, mục 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định.

5. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

6. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Báo cáo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên để được xem xét, hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến diện tích thực tế thực hiện dự án thay đổi so với diện tích dự án trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp.

9. Chỉ cho các đơn vị hoạt động sản xuất theo loại hình đã cam kết vào đầu tư. Khi cho các đơn vị thuê nhà xưởng sản xuất, yêu cầu các đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện đánh giá tác động môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.